

Số: /QĐ - SCT

Ninh Bình, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán điều chỉnh tăng năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh cấp bổ sung ngân sách tỉnh năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh các chính sách, chế độ theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-SCT ngày 29/10/2024 của Sở Công Thương Ninh Bình về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2024 bổ sung cho các đơn vị để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh các chính sách, chế độ theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh các chính sách, chế độ theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

(Có biểu kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Dương Đức Đăng

Đơn vị: Sở Công thương Ninh Bình**Chương: 416****DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày tháng 10 năm 2024
của Sở Công thương Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Trong đó | |
|------------|--|-------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------|
| | | | | Văn phòng Sở | Trung tâm KCXTTMV PTCCN |
| | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 1.431 | 1.431 | 718 | 713 |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 1.431 | 1.431 | 718 | 713 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 718 | 718 | 718 | - |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 718 | 718 | 718 | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo | - | | | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 2.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 3 | Chi sự nghiệp kinh tế | 713 | 713 | - | 713 |
| 3.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 713 | 713 | | 713 |
| 3.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | - | | | |
| 4 | Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao | - | - | | - |
| 4.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | - | | | |
| 4.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | - | - | | |
| II | Nguồn viện trợ | - | | | - |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài | - | | | - |